

BẢN THUYẾT MINH
(Về dự thảo NQ mức học phí năm học 2022-2023)

I. CĂN CỨ BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

- Tại điểm b, khoản 6, điều 99 Luật Giáo dục 2019 quy định: “*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể...*”;

- Tại khoản 1 điều 27 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 quy định: *Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.*

Các quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ (gọi tắt là Nghị định 81):

- Tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định 81 quy định:

“2. *Khung học phí năm học 2022 - 2023*

a) Khung học phí (mức sàn - mức trần) đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên như sau:

Đơn vị: nghìn đồng/học sinh/tháng

Vùng	Năm học 2022 - 2023			
	Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
<i>Thành thị</i>	<i>Từ 300 đến 540</i>	<i>Từ 300 đến 540</i>	<i>Từ 300 đến 650</i>	<i>Từ 300 đến 650</i>
<i>Nông thôn</i>	<i>Từ 100 đến 220</i>	<i>Từ 100 đến 220</i>	<i>Từ 100 đến 270</i>	<i>Từ 200 đến 330</i>
<i>Vùng dân tộc thiểu số và miền núi</i>	<i>Từ 50 đến 110</i>	<i>Từ 50 đến 110</i>	<i>Từ 50 đến 170</i>	<i>Từ 100 đến 220</i>

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quy định trên để quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thuộc thẩm quyền và quyết định việc sắp xếp, phân loại các vùng trên địa bàn để cơ sở giáo dục áp dụng mức thu học phí.

Khung học phí đối với giáo dục tiểu học công lập quy định tại điểm này dùng làm căn cứ để Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tự thực ở các địa bàn chưa đủ trường tiểu học công lập và các đối tượng học sinh tiểu học tự thực thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định.”

- Tại khoản 5 Điều 9 Nghị định 81 quy định: “*Trường hợp học trực tuyến (học online), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập theo phân cấp quản lý trên cơ sở chi phí phát sinh thực tế hợp lý, tối đa bằng mức học phí của cơ sở giáo dục đã được ban hành.*”.

- Thông báo số 12/TB-TTHĐND ngày 05/4/2022 về Kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết Quy định mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

II. THUYẾT MINH MỘT SỐ NỘI DUNG DỰ THẢO

1. Về đề xuất phân vùng của tỉnh để áp dụng mức học phí

Phân vùng chủ yếu căn cứ vào Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; đồng thời có xem xét đến tình hình thực tế về điều kiện KTXH và thu nhập của dân cư. Cụ thể:

Toàn tỉnh Kon Tum có 102 xã, phường, thị trấn. Theo Quyết định 861/QĐ-TTg, tỉnh Kon Tum có 92 xã, phường, thị trấn được phân định khu vực (trong đó khu vực I: 35, khu vực II: 5, khu vực 3: 52). Còn lại 10 xã/phường/thị trấn không phân định khu vực gồm: Thị trấn Đăk Hà, xã Hà Môn huyện Đăk Hà, xã Sa Nhơn huyện Sa Thầy, các phường Duy Tân, Nguyễn Trãi, Quyết Thắng, Quang Trung, Thắng Lợi, Trường Chinh, Trần Hưng Đạo.

Căn cứ Quyết định 861/QĐ-TTg và tình hình thực tế về điều kiện KTXH của dân cư, đề xuất phân vùng như sau:

a) Vùng 1: Gồm các phường Quyết Thắng, Thắng Lợi, Quang Trung thành phố Kon Tum.

b) Vùng 2: Gồm các xã, phường, thị trấn thuộc khu vực I theo Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và các xã, phường, thị trấn (không phân định khu vực): thị trấn Đăk Hà, xã Hà Môn huyện Đăk Hà, xã Sa Nhơn huyện Sa Thầy, phường Duy Tân, Nguyễn Trãi, Trường Chinh, Trần Hưng Đạo thành phố Kon Tum (trừ các thôn đặc biệt khó khăn theo quy định tại Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt Danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025).

c) Vùng 3: Gồm các xã, thị trấn thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và các thôn đặc biệt khó khăn tại Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt Danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 thuộc xã, phường, thị trấn của vùng 2 theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều này.

d) Trong trường hợp các xã quy định tại điểm c, khoản 1 Điều này được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới thì áp dụng mức học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông theo địa bàn vùng 2 quy định tại điểm b, khoản 1 Điều này kể từ ngày Quyết định của cấp có thẩm quyền công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới có hiệu lực.

2. Về mức học phí năm học 2022-2023

a) Áp dụng khung học phí:

Tại khoản 2 Điều 9 Nghị định 81 quy định Khung học phí năm học 2022 - 2023 (mức sàn - mức trần) đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên của 3 vùng: Thành thị, Nông thôn, Vùng dân tộc thiểu số và miền núi:

Đơn vị: nghìn đồng/học sinh/tháng

Vùng	Năm học 2022 - 2023			
	Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
Thành thị	Từ 300 đến 540	Từ 300 đến 540	Từ 300 đến 650	Từ 300 đến 650
Nông thôn	Từ 100 đến 220	Từ 100 đến 220	Từ 100 đến 270	Từ 200 đến 330
Vùng dân tộc thiểu số và miền núi	Từ 50 đến 110	Từ 50 đến 110	Từ 50 đến 170	Từ 100 đến 220

Căn cứ điều kiện tỉnh Kon Tum, đề xuất áp dụng khung học phí “Vùng dân tộc thiểu số và miền núi” để xác định mức học phí, cụ thể áp dụng khung học phí:

Đơn vị: nghìn đồng/học sinh/tháng

Vùng	Năm học 2022 - 2023			
	Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông

Vùng dân tộc thiểu số và miền núi	Từ 50 đến 110	Từ 50 đến 110	Từ 50 đến 170	Từ 100 đến 220
-----------------------------------	---------------	---------------	---------------	----------------

b) Đề xuất mức học phí cụ thể năm học 2022-2023 theo vùng của tỉnh

Căn cứ vào khung học phí “Vùng dân tộc thiểu số và miền núi” nêu trên, tình hình bệnh dịch Covid 19 ảnh hưởng đến kinh tế người dân trong thời gian qua, đề xuất mức học phí các vùng của tỉnh (trong khung) như sau:

Đơn vị: đồng/học sinh/tháng

TT	Cấp học	Vùng và mức học phí		
		Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Mầm non	70.000	60.000	50.000
2	Trung học cơ sở	90.000	70.000	50.000
3	Trung học phổ thông	140.000	120.000	100.000

Trong đó mức học phí Vùng 3: là mức thấp nhất (mức sàn) trong khung học phí của Chính phủ, không thể đề xuất mức thấp hơn (MN 50.000 đ/hs/tháng; THCS 50.000 đ/hs/tháng; THPT 100.000 đ/hs/tháng). Mức học phí vùng 2 chênh lệch so với vùng 3: 10.000đ đối với mầm non, 20.000đ đối với THCS và THPT. Mức học phí vùng 1 chênh lệch so với vùng 2: 10.000đ đối với mầm non, 20.000đ đối với THCS và THPT. Như vậy mức học phí chênh lệch giữa các vùng là không lớn.

3. Các nội dung khác trong dự thảo NQ:

Nội dung dự thảo tại khoản 2 Điều 1:

2. Trường hợp tổ chức học trực tuyến (học online) hoặc vừa tổ chức học trực tuyến vừa tổ chức học trực tiếp, cơ sở giáo dục công lập được áp dụng mức thu bằng mức học phí tại Khoản 1 Điều này; thời gian thu học phí không quá 9 tháng/năm; không thu học phí trong thời gian không tổ chức dạy học.

III. CÁC NỘI DUNG CHƯA ĐƯA VÀO DỰ THẢO NQ

Khi thực tế phát sinh sẽ tham mưu trình cấp có thẩm quyền các nội dung: Tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường công lập; Mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tư thục ở các địa bàn chưa đủ trường tiểu học công lập và các đối tượng học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí.